



Thứ sáu, ngày 23 tháng 2 năm 2018

## Vietnam Daily Review

Dầu khí phục hồi

Dự đoán xu hướng thị trường

|                    | Tiêu cực | Trung lập | Tích cực |
|--------------------|----------|-----------|----------|
| Ngày 26/2/2018     |          | •         |          |
| Week 26/2-2/3/2018 |          | •         |          |
| Tháng 3/2018       |          | •         |          |

### Điểm nhấn

- Thị trường tăng điểm ngay từ khi mở cửa nhưng tốc độ khớp lệnh vẫn còn khá chậm. Tuy nhiên, phiên chiều đã chứng kiến sự nhảy vọt của các cổ phiếu thuộc VN30
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VCB (+6.05 điểm), GAS (+3.5 điểm), PLX (+2.56 điểm), CTG (+2.38 điểm) và HPG (+1.5 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm EIB (-0.18 điểm), HDB (-0.16 điểm), GTN (-0.07 điểm), NBB (-0.05 điểm) và PGD (-0.04 điểm).
- Sau khi điều chỉnh mạnh thì nhóm cổ phiếu Dầu khí đã phục hồi mạnh nhờ giá dầu thế giới nhảy vọt. Cùng với đó, Ngân hàng cũng đóng góp không nhỏ vào đà tăng điểm của thị trường
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 5,608 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 21.54 điểm. Trạng thái thị trường tích cực với 197 mã tăng và 96 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 26.82 điểm, đóng cửa tại 1102.85 điểm. Cùng với đó, HNX-Index tăng 1.55 điểm lên 126.24 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 258.26 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã HPG (126.8 tỷ), VCB (47.2 tỷ) và BID (23.5 tỷ). Bên cạnh đó, họ bán ròng 50.09 tỷ trên sàn HNX.

### Nhận định thị trường

Phiên giao dịch cuối tuần có diễn biến tích cực nhờ nhóm cổ phiếu VN30 đồng loạt tăng điểm, nổi bật là các cổ phiếu PLX, VCB, BVH, CTG. Nhóm Dầu khí tăng tốt trở lại được hỗ trợ từ thông tin giá dầu hồi phục. Cùng với nhóm Dầu khí, các cổ phiếu Ngân hàng là động lực chính kéo chỉ số vượt mốc 1,100. Đà tăng lan rộng toàn thị trường với thanh khoản tăng nhẹ cho thấy tâm lý e dè sau phiên điều chỉnh hôm qua dần được đẩy lùi. BSC nhận định VN-Index đang trong quá trình chinh phục lại mốc 1,130 điểm. Nhà đầu tư có thể xem xét gia tăng tỷ trọng cổ phiếu ở những nhóm trụ cột khi nhóm này đang tập trung được dòng tiền.

### Cổ phiếu nổi bật: CTG\_Mua mạnh

(Vui lòng tải và xem [trang 2 báo cáo](#))

(Để xem thêm thông tin cổ phiếu lớn, vui lòng tải và xem [trang 4 báo cáo](#))

### BSC RESEARCH

#### Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

#### Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Tuấn Anh

anhnt@bsc.com.vn

**VN-INDEX** **1102.85**

Giá trị: 5608.48 tỷ **26.82 (2.49%)**

Khối ngoại (ròng): -258.26 tỷ

**HNX-INDEX** **126.24**

Giá trị: 798.69 tỷ **1.54 (1.23%)**

Khối ngoại (ròng): -50.09 tỷ

**UPCOM-INDEX** **59.56**

Giá trị: 92.44 tỷ **0.26 (0.44%)**

Khối ngoại(ròng): 19.04 tỷ

#### Thông số vĩ mô

|                    | Giá trị | %      |
|--------------------|---------|--------|
| Giá dầu            | 62.5    | -0.45% |
| Giá vàng           | 1,328   | -0.29% |
| Tỷ giá USD/VND     | 22,733  | 0.08%  |
| Tỷ giá EUR/VND     | 27,984  | -0.15% |
| Tỷ giá JPY/VND     | 21,261  | -0.08% |
| LS liên NH 1 tháng | 3.0%    | -      |
| LS TPCP 5 năm      | 3.5%    | -      |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

#### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

| Top mua | Giá trị | Top bán | Giá trị |
|---------|---------|---------|---------|
| VIC     | 32.13   | HPG     | 126.80  |
| PLX     | 24.11   | VCB     | 47.20   |
| DXG     | 23.22   | BID     | 23.54   |
| MSN     | 18.68   | HDB     | 14.49   |
| VJC     | 10.61   | GTN     | 12.60   |

Nguồn: BSC Research

Báo cáo này được xem là nguồn thông tin tham khảo. Vui lòng đọc kỹ phần Khuyến cáo sử dụng ở trang cuối.

**Nguyễn Tuấn Anh**

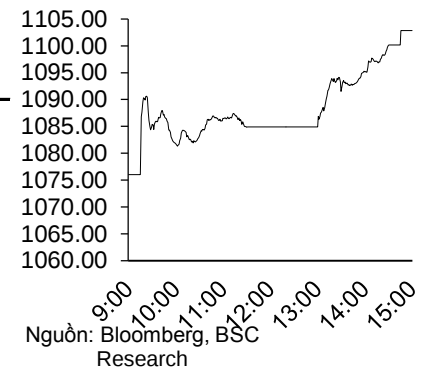
anhnt@bsc.com.vn

## Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

| Mã  | Thanh khoản (tr \$) | Đóng cửa (nghìn) | Hỗ trợ (nghìn) | Kháng cự (nghìn) | Trạng thái | Ghi chú                            |
|-----|---------------------|------------------|----------------|------------------|------------|------------------------------------|
| CTG | 17.9                | 30.4             | 23             | 31               | MUA MẠNH   | Tín hiệu MUA cùng Thanh khoản tăng |
| GMD | 2.3                 | 42.8             | 38             | 45               | MUA MẠNH   | Tín hiệu MUA cùng Thanh khoản tăng |
| VIC | 5.3                 | 91.6             | 75             | 94               | NGỪNG MUA  | Tăng giá kéo dài                   |
| VND | 2.0                 | 30.0             | 26             | 32               | MUA        | Tăng giá kéo dài                   |
| PNJ | 1.6                 | 170.7            | 139            | 173              | NGỪNG MUA  | Tăng giá kéo dài                   |
| PVT | 0.5                 | 17.7             | 17             | 20               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá trung hạn                 |
| VRC | 0.6                 | 21.7             | 18             | 24               | MUA        | Tăng giá kéo dài                   |
| NKG | 0.5                 | 35.4             | 33             | 37               | MUA MẠNH   | Tín hiệu MUA cùng Thanh khoản tăng |
| PVD | 1.6                 | 20.8             | 19             | 22               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá trung hạn                 |
| AAA | 1.4                 | 28.7             | 26             | 30               | MUA        | Giảm giá kéo dài                   |

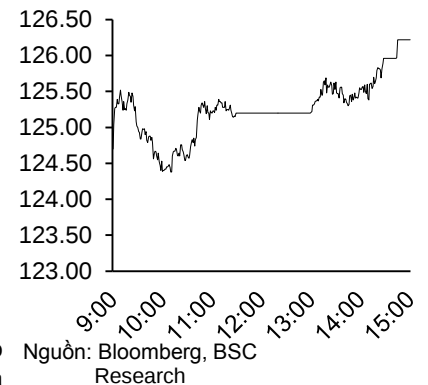
Hình 1

HSX-Index Intraday



Hình 2

HNX-Index Intraday



Quý khách vui lòng liên hệ với tư vấn viên để có cập nhật thêm về tín hiệu trong phiên của cổ phiếu

## Cổ phiếu nổi bật

Mã chứng khoán: CTG\_Mua mạnh

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Bứt phá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ
- Chỉ báo RSI: Tiếp cận quá mua

**Nhận định:** Sau khi giảm mạnh cùng với xu hướng của thị trường chung, CTG liên tục tạo gap để phục hồi về vùng tích lũy cũ 27-28. Phiên hôm nay chứng kiến sự bứt phá của nhóm cổ phiếu ngân hàng trong đó có CTG với khối lượng lớn và đã vượt qua ngưỡng kháng cự 30.

**Khuyến nghị:** Mua CTG nếu giá quay lại vùng 30.5, chốt lãi 36, cắt lỗ 28.



Bảng 1

Hợp đồng tương lai

| Ticker    | Đóng   | ± Ngày | ± KLGD |
|-----------|--------|--------|--------|
| VN30F1803 | 1106.0 | 2.2%   | 70.5%  |
| VN30F1804 | 1115.0 | 1.9%   | -15.6% |
| VN30F1806 | 1120.0 | 1.6%   | 50.6%  |
| VN30F1809 | 1157.0 | 2.2%   | 4.3%   |

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| HPG | 62  | 4.6       | 4.9      |
| VCB | 71  | 6.9       | 3.3      |
| MBB | 33  | 4.6       | 2.9      |
| FPT | 61  | 3.6       | 1.8      |
| MSN | 90  | 2.1       | 1.5      |

Top giảm điểm VN30

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| VJC | 195 | 0.0       | 0.0      |
| DPM | 24  | 0.2       | 0.0      |
| CII | 37  | 0.3       | 0.0      |
| ROS | 142 | 0.3       | 0.1      |
| DHG | 105 | 0.5       | 0.0      |

## Câu chuyện cuối tuần

*Thìa\_Nguồn: Sưu tầm*

Một vị khách bước vào một nhà hàng, gọi một phần súp, nhân viên phục vụ bưng lên cho anh ta ngay tức khắc.

Nhân viên phục vụ vừa đi, anh ta đã nói: “Xin lỗi, tôi không có cách nào dùng phần súp này.”

Nhân viên phục vụ lại bưng lên cho anh ta một phần súp khác, anh ta vẫn nói: “Xin lỗi, tôi không có cách nào dùng phần súp này.”

Nhân viên phục vụ đành gọi Giám đốc.

Giám đốc cung kính gập đầu về phía anh ta, nói: “Chào quý khách, món súp này là món súp nổi tiếng của nhà hàng, được rất nhiều thực khách yêu thích, lẽ nào ngài...”

“Ý tôi là, thìa đâu rồi?”

**Lời bình: Sửa sai đương nhiên là chuyện tốt. Thế nhưng chúng ta lại thường sửa chữa những điều đúng đắn, giữ lại những điều sai lầm, kết quả là sai càng thêm sai.**

## Danh mục khuyến nghị

### Danh mục ngắn hạn

| TT                | Mã  | Ngày mua   | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dùng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|------------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | SSI | 3/9/2017   | 25.20   | 35.20        | 39.7%          | 23.9    | 27.7     |
| 2                 | FPT | 29/09/2017 | 48.75   | 60.50        | 24.1%          | 46.2    | 55.0     |
| 3                 | REE | 30/10/2017 | 34.45   | 39.80        | 15.5%          | 32.0    | 45.0     |
| 4                 | VIC | 2/5/2018   | 81.10   | 91.60        | 12.9%          | 80.0    | 103.0    |
| <b>Trung bình</b> |     |            |         |              | <b>26.4%</b>   |         |          |

Nguồn: BSC Research

### Danh mục CANSLIM

| TT                | Mã  | Ngày mua   | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dùng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|------------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | MBB | 27/4/2015  | 13.8    | 33.00        | 139.1%         | 20.3    | 24.0     |
| 2                 | HPG | 28/10/2016 | 25.5    | 61.60        | 141.9%         | 36.4    | 44.9     |
| 3                 | VCS | 16/12/2016 | 130.0   | 214.60       | 65.1%          | 120.9   | 156.0    |
| 4                 | CSV | 24/7/2017  | 33.1    | 43.45        | 31.3%          | 30.5    | 39.0     |
| 5                 | SBA | 31/07/2017 | 16.0    | 16.20        | 1.3%           | 14.2    | 19.0     |
| 6                 | HCM | 18/09/2017 | 41.9    | 80.00        | 90.9%          | 38.0    | 48.0     |
| <b>Trung bình</b> |     |            |         |              | <b>78.3%</b>   |         |          |

Nguồn: BSC Research

### Danh mục cơ bản

| TT                | Mã  | Ngày mua   | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dùng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|------------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | PVT | 23/06/2016 | 11.1    | 17.7         | 59.0%          | 10.3    | 16.1     |
| 2                 | CTI | 29/07/2017 | 29.7    | 34.9         | 17.3%          | 27.6    | 34.2     |
| 3                 | MWG | 7/8/2017   | 106.5   | 119.8        | 12.5%          | 99.0    | 127.0    |
| 4                 | ACB | 2/2/2018   | 41.5    | 44.7         | 7.7%           | 38.3    | 47.0     |
| <b>Trung bình</b> |     |            |         |              | <b>24.1%</b>   |         |          |

Nguồn: BSC Research

| Mã  | Ngành             | Đóng cửa<br>(nghìn VND) | % Ngày | Beta | Vốn hóa<br>(Triệu USD) | Thanh khoản<br>(triệu USD) | EPS<br>(VND) | P/E   | P/B  | NN sở hữu | ROE   |
|-----|-------------------|-------------------------|--------|------|------------------------|----------------------------|--------------|-------|------|-----------|-------|
| MWG | Bán lẻ            | 119.8                   | 0.7%   | 0.7  | 1,704                  | 1.1                        | 7,166        | 16.7  | 6.4  | 49.0%     | 45.3% |
| PNJ | Bán lẻ            | 170.7                   | 4.1%   | 0.9  | 813                    | 1.6                        | 7,061        | 24.2  | 6.8  | 49.0%     | 28.9% |
| BVH | Bảo hiểm          | 84.8                    | 6.0%   | 1.5  | 2,542                  | 2.3                        | 2,246        | 37.8  | 4.1  | 25.1%     | 10.7% |
| PVI | Bảo hiểm          | 39.0                    | 0.0%   | 0.7  | 382                    | 0.4                        | 2,114        | 18.4  | 1.3  | 43.9%     | 9.3%  |
| VIC | Bất động sản      | 91.6                    | 1.2%   | 1.3  | 10,644                 | 5.3                        | 2,373        | 38.6  | 7.2  | 10.3%     | 15.8% |
| VRE | Bất động sản      | 51.6                    | 3.4%   | 1.2  | 4,321                  | 7.7                        | 1,061        | 48.6  | 4.2  | 32.3%     | 17.6% |
| NVL | Bất động sản      | 82.0                    | 1.6%   | 0.4  | 2,322                  | 11.4                       | 3,318        | 24.7  | 4.2  | 5.8%      | 18.7% |
| REE | Bất động sản      | 39.8                    | 1.9%   | 1.0  | 544                    | 1.4                        | 4,441        | 9.0   | 1.5  | 49.0%     | 18.1% |
| DXG | Bất động sản      | 33.5                    | 4.9%   | 1.1  | 446                    | 5.6                        | 2,494        | 13.4  | 2.7  | 38.3%     | 21.3% |
| SSI | Chứng khoán       | 35.2                    | 2.3%   | 1.2  | 775                    | 6.6                        | 2,372        | 14.8  | 2.1  | 52.6%     | 14.9% |
| VCI | Chứng khoán       | 82.0                    | 0.0%   | 0.6  | 433                    | 0.0                        | 5,527        | 14.8  | 7.1  | 39.6%     | 31.9% |
| HCM | Chứng khoán       | 80.0                    | 1.3%   | 1.0  | 457                    | 0.6                        | 4,280        | 18.7  | 4.0  | 60.2%     | 17.8% |
| FPT | Công nghệ         | 60.5                    | 3.6%   | 0.9  | 1,415                  | 4.2                        | 5,128        | 11.8  | 2.8  | 49.0%     | 27.9% |
| FOX | Công nghệ         | 70.9                    | -6.7%  | 0.2  | 471                    | 0.0                        | 5,429        | 13.1  | 3.6  | 0.2%      | 29.4% |
| GAS | Dầu khí           | 111.0                   | 4.7%   | 1.6  | 9,359                  | 3.6                        | 4,916        | 22.6  | 5.1  | 3.5%      | 23.8% |
| PLX | Dầu khí           | 82.9                    | 7.0%   | 1.4  | 4,232                  | 7.4                        | 3,012        | 27.5  | 4.7  | 12.1%     | 17.2% |
| PVS | Dầu khí           | 23.0                    | 8.5%   | 1.9  | 453                    | 6.0                        | 1,793        | 12.8  | 1.0  | 16.2%     | 7.6%  |
| PVD | Dầu khí           | 20.8                    | 7.0%   | 1.8  | 350                    | 1.6                        | 0            | 449.8 | 0.6  | 22.9%     | 0.2%  |
| DHG | Dược              | 104.5                   | 0.5%   | 0.4  | 602                    | 0.6                        | 4,366        | 23.9  | 5.0  | 47.2%     | 20.4% |
| TRA | Dược              | 112.2                   | -1.6%  | 0.0  | 205                    | 0.0                        | 5,811        | 19.3  | 4.5  | 49.0%     | 24.6% |
| DPM | Hóa chất          | 23.9                    | 0.2%   | 0.9  | 411                    | 0.8                        | 1,532        | 15.6  | 1.2  | 22.3%     | 8.7%  |
| DCM | Hóa chất          | 12.7                    | 0.4%   | 0.5  | 296                    | 0.3                        | 1,077        | 11.8  | 1.1  | 3.2%      | 9.6%  |
| VCB | Ngân hàng         | 71.4                    | 6.9%   | 1.5  | 11,316                 | 14.7                       | 2,525        | 28.3  | 4.8  | 20.8%     | 17.8% |
| BID | Ngân hàng         | 37.1                    | 0.8%   | 1.3  | 5,587                  | 5.8                        | 2,019        | 18.4  | 2.9  | 2.8%      | 13.0% |
| CTG | Ngân hàng         | 30.4                    | 6.1%   | 1.4  | 4,986                  | 17.9                       | 1,996        | 15.2  | 1.8  | 30.0%     | 12.0% |
| VPB | Ngân hàng         | 58.5                    | 2.5%   | 0.7  | 3,859                  | 7.7                        | 4,562        | 12.8  | 2.9  | 23.5%     | 25.4% |
| MBB | Ngân hàng         | 33.0                    | 4.6%   | 1.0  | 2,639                  | 12.2                       | 1,404        | 23.5  | 2.1  | 20.0%     | 9.4%  |
| ACB | Ngân hàng         | 44.7                    | 1.1%   | 0.8  | 1,941                  | 8.1                        | 2,148        | 20.8  | 2.7  | 30.0%     | 14.1% |
| BMP | Nhựa              | 93.4                    | 4.6%   | 1.0  | 337                    | 3.8                        | 5,757        | 16.2  | 3.1  | 44.0%     | 18.3% |
| NTP | Nhựa              | 69.9                    | 2.5%   | 0.4  | 275                    | 0.2                        | 5,519        | 12.7  | 3.0  | 23.1%     | 25.1% |
| MSR | Tài nguyên        | 28.6                    | 1.1%   | 1.0  | 906                    | 0.1                        | 153          | 186.9 | 1.8  | 2.1%      | 1.0%  |
| HPG | Thép              | 61.6                    | 4.6%   | 0.9  | 4,116                  | 28.3                       | 5,540        | 11.1  | 3.1  | 40.5%     | 31.5% |
| HSG | Thép              | 25.9                    | 5.3%   | 1.0  | 399                    | 5.2                        | 3,523        | 7.3   | 1.8  | 27.2%     | 28.8% |
| VNM | Tiêu dùng         | 202.0                   | 0.5%   | 0.7  | 12,914                 | 4.3                        | 6,356        | 31.8  | 12.5 | 59.7%     | 40.5% |
| SAB | Tiêu dùng         | 240.0                   | 0.9%   | 0.9  | 6,780                  | 0.5                        | 7,350        | 32.7  | 11.2 | 9.7%      | 38.6% |
| MSN | Tiêu dùng         | 89.8                    | 2.0%   | 1.1  | 4,144                  | 2.6                        | 2,795        | 32.1  | 6.3  | 33.3%     | 20.6% |
| SBT | Tiêu dùng         | 18.6                    | 1.4%   | 1.1  | 456                    | 3.0                        | 1,245        | 14.9  | 1.5  | 8.9%      | 7.6%  |
| ACV | Vận tải           | 92.2                    | 0.2%   | 0.8  | 8,843                  | 0.4                        | 2,208        | 41.8  | 8.3  | 3.5%      | 21.8% |
| VJC | Vận tải           | 195.0                   | 0.0%   | 0.8  | 3,877                  | 6.4                        | 6,233        | 31.3  | 18.1 | 26.6%     | 68.7% |
| HVN | Vận tải           | 52.9                    | 1.7%   | 1.8  | 2,861                  | 2.5                        | 1,938        | 27.3  | 4.1  | 9.1%      | 14.4% |
| GMD | Vận tải           | 42.8                    | 4.4%   | 0.8  | 544                    | 2.3                        | 1,946        | 22.0  | 2.0  | 20.4%     | 8.1%  |
| PVT | Vận tải           | 17.7                    | -1.4%  | 1.0  | 219                    | 0.5                        | 1,500        | 11.8  | 1.4  | 32.2%     | 11.7% |
| VCS | Vật liệu xây dựng | 214.6                   | -0.2%  | 0.8  | 756                    | 0.4                        | 13,660       | 15.7  | 7.2  | 2.5%      | 58.4% |
| VGC | Vật liệu xây dựng | 24.5                    | 1.2%   | 0.9  | 484                    | 0.4                        | 1,779        | 13.8  | 1.7  | 36.2%     | 12.4% |
| HT1 | Vật liệu xây dựng | 15.0                    | 2.7%   | 0.7  | 252                    | 0.1                        | 1,238        | 12.1  | 1.1  | 7.1%      | 10.0% |
| CTD | Xây dựng          | 181.0                   | 0.6%   | 0.2  | 624                    | 1.6                        | 20,436       | 8.9   | 1.9  | 45.3%     | 23.2% |
| VCG | Xây dựng          | 23.7                    | -0.4%  | 1.6  | 461                    | 2.0                        | 3,197        | 7.4   | 1.7  | 9.6%      | 23.0% |
| CII | Xây dựng          | 36.5                    | 0.3%   | 0.6  | 396                    | 1.0                        | 6,012        | 6.1   | 1.8  | 68.1%     | 35.8% |

## Thống kê thị trường

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

| CK  | Giá    | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|------|----------|-----------|
| VCB | 71.40  | 6.89 | 6.06     | 4.83MLN   |
| GAS | 111.00 | 4.72 | 3.50     | 748160.00 |
| PLX | 82.90  | 6.97 | 2.56     | 2.06MLN   |
| CTG | 30.40  | 6.11 | 2.39     | 13.72MLN  |
| HPG | 61.60  | 4.58 | 1.50     | 10.70MLN  |

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| EIB | 15.80 | -2.47 | -0.18    | 968500.00 |
| HDB | 44.55 | -1.00 | -0.16    | 2.18MLN   |
| GTN | 10.95 | -6.81 | -0.07    | 1.98MLN   |
| NBB | 24.50 | -5.41 | -0.05    | 1200.00   |
| PGD | 39.55 | -3.06 | -0.04    | 1980.00   |

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

| CK  | Giá   | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|------|----------|-----------|
| PLX | 82.90 | 6.97 | 2.56     | 2.06MLN   |
| PVD | 20.75 | 6.96 | 0.19     | 1.77MLN   |
| RIC | 8.19  | 6.92 | 0.01     | 10.00     |
| HDG | 46.50 | 6.90 | 0.08     | 515730.00 |
| PIT | 6.67  | 6.89 | 0.00     | 1200.00   |

### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD   |
|-----|-------|-------|----------|--------|
| VIP | 7.58  | -7.56 | -0.02    | 136010 |
| SMA | 12.65 | -6.99 | -0.01    | 340    |
| GTA | 15.35 | -6.97 | 0.00     | 3670   |
| CLW | 18.70 | -6.97 | -0.01    | 4040   |
| SVT | 5.35  | -6.96 | 0.00     | 10     |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

| CK  | Giá   | %    | Index pt | KLGD     |
|-----|-------|------|----------|----------|
| SHB | 13.20 | 3.13 | 0.45     | 17.89MLN |
| ACB | 44.70 | 1.13 | 0.42     | 4.13MLN  |
| PVS | 23.00 | 5.99 | 0.32     | 6.11MLN  |
| NTP | 69.90 | 2.49 | 0.06     | 54400    |
| DL1 | 45.80 | 1.55 | 0.04     | 1200     |

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD    |
|-----|-------|-------|----------|---------|
| DNP | 21.00 | -4.55 | -0.02    | 14600   |
| INN | 63.00 | -4.11 | -0.02    | 6500    |
| VHL | 51.00 | -3.77 | -0.02    | 200     |
| SJ1 | 27.00 | -3.57 | -0.01    | 800     |
| VCG | 23.70 | -0.42 | -0.01    | 1.93MLN |

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

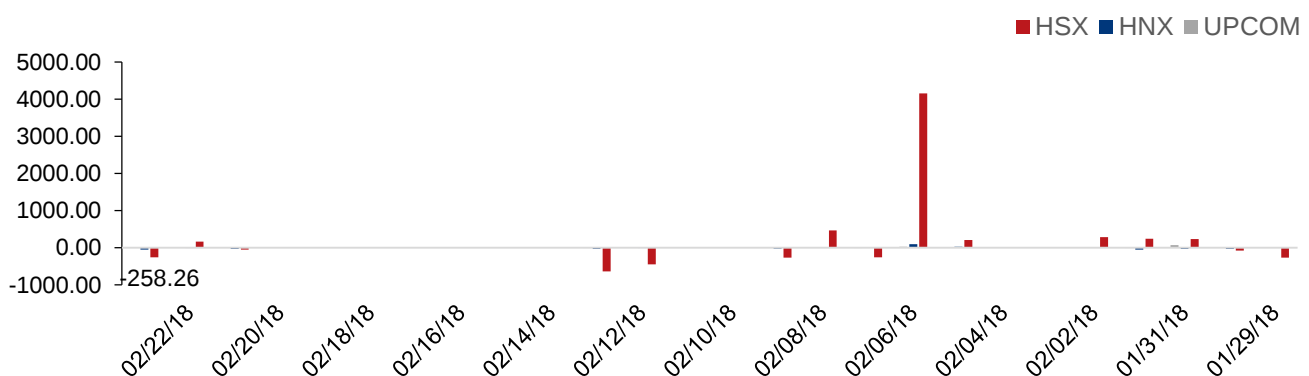
| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD   |
|-----|-------|-------|----------|--------|
| FID | 2.20  | 10.00 | 0.00     | 100800 |
| TDN | 6.60  | 10.00 | 0.01     | 18500  |
| PPP | 10.00 | 9.89  | 0.00     | 100    |
| ARM | 35.60 | 9.88  | 0.00     | 200    |
| VC7 | 19.10 | 9.77  | 0.02     | 38700  |

### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

| CK  | Giá  | %      | Index pt | KLGD  |
|-----|------|--------|----------|-------|
| CTA | 0.70 | -12.50 | 0.00     | 100   |
| ONE | 9.10 | -9.90  | 0.00     | 31100 |
| DID | 4.60 | -9.80  | 0.00     | 10100 |
| NHA | 9.30 | -9.71  | -0.01    | 100   |
| KMT | 5.80 | -9.38  | 0.00     | 500   |

Hình 3

### Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

| STT | Tên báo cáo                                 | Loại báo cáo    | Mã cổ phiếu liên quan | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|---------------------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| 1   | BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018    | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1    | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2   | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017        | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017        | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su          | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ lãi | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | BSC_Vietnam Macro Outlook_2017 Second half  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M05       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2017        | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M04       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M03       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M02       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M01       | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | BSC_Vietnam Sector Outlook_2017_VN          | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |

## Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

| STT | Mã  | Ngành        | Khuyến nghị | Ngày ra báo cáo | Giá ngày ra báo cáo | Giá mục tiêu | Giá hiện tại | EPS    | P/E  | P/B | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|-----|--------------|-------------|-----------------|---------------------|--------------|--------------|--------|------|-----|-----------------------|---------------|
| 1   | TNG | Dệt may      | Mua         | 15/9/2017       | 13.3                | 18.5         | 16.2         | 2,801  | 5.8  | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | REE | Xây lắp      | Mua         | 3/8/2017        | 38.2                | 19.5         | 39.8         | 4,441  | 9.0  | 1.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | HDC | Bất động sản | Mua         | 2/8/2017        | 15.9                | 20.5         | 14.5         | 1,817  | 8.0  | 0.9 | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   | NKG | Thép         | Mua         | 26/7/2017       | 31.9                | 21.5         | 35.4         | 6,764  | 5.2  | 1.6 | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | PPC | Điện         | Mua         | 26/7/2017       | 21.0                | 22.5         | 20.3         | 5,165  | 3.9  | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | HNG | Nông nghiệp  | Mua         | 14/7/2017       | 10.1                | 23.5         | 6.4          | 1,407  | 4.5  | 0.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | RAL | Đồ gia dụng  | Mua         | 14/7/2017       | 136.0               | 24.5         | 137.8        | 18,611 | 7.4  | 2.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | PNJ | Trang sức    | Mua         | 22/6/2017       | 96.7                | 25.5         | 170.7        | 7,061  | 24.2 | 6.8 | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | C47 | Xây dựng     | Mua         | 14/6/2017       | 15.0                | 26.5         | 13.4         | 953    | 14.1 | 0.9 | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | DRI | Cao su       | Mua         | 13/6/2017       | 12.8                | 27.5         | 11.2         | 296    | 37.8 | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | FPT | Công nghệ    | Mua         | 6/6/2017        | 44.3                | 28.5         | 60.5         | 5,128  | 11.8 | 2.8 | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | HPG | Thép         | Mua         | 6/6/2017        | 28.5                | 29.5         | 61.6         | 5,540  | 11.1 | 3.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | VCB | Ngân hàng    | Nắm giữ     | 6/6/2017        | 38.7                | 30.5         | 71.4         | 2,525  | 28.3 | 4.8 | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | KSB | Khoáng sản   | Mua         | 6/6/2017        | 53.0                | 31.5         | 39.0         | 5,036  | 7.7  | 2.6 | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | VGC | VLXD         | Mua         | 29/5/2017       | 17.6                | 32.5         | 24.5         | 1,779  | 13.8 | 1.7 | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | PHR | Cao su       | Mua         | 22/5/2017       | 30.5                | 33.5         | 46.0         | 4,122  | 11.2 | 1.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | ACB | Ngân hàng    | Mua         | 9/5/2017        | 23.8                | 34.5         | 44.7         | 2,148  | 20.8 | 2.7 | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | PVT | Vận tải      | Nắm giữ     | 9/5/2017        | 12.7                | 35.5         | 17.7         | 1,500  | 11.8 | 1.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | PVI | Bảo hiểm     | Mua         | 25/4/2017       | 29.5                | 36.5         | 39.0         | 2,114  | 18.4 | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | MBB | Ngân hàng    | Mua         | 18/4/2017       | 15.2                | 37.5         | 33.0         | 1,404  | 23.5 | 2.1 | <a href="#">Click</a> |               |

## Khuyến cáo sử dụng

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.*

### **BSC Trụ sở chính**

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

### **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>